ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 20/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 02/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch đô thị; số 15/2023/TT-BXD ngày 19/12/2023 ban hành QCVN07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 1574/UBND-ĐTXD ngày 18/4/2023 và Văn bản số 1148/UBND-ĐTXD ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 06/02/2025 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Thông báo số 182/TB-SXD ngày 20/12/2024 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Địa điểm thực hiện: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Sơn Dương.

3. Phạm vi, quy mô và giai đoạn lập quy hoạch:

3.1. Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Sơn Dương với tổng diện tích tự nhiên 787,95 km^2 và được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Phía Đông giáp huyện Định Hóa, Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Phía Nam giáp huyện Tam Đảo, Lập Thạch, Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Phía Tây giáp huyện Phù Ninh, Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Quy mô dân số:

+ Dân số trong vùng quy hoạch năm 2023: Khoảng 190.610 người.

+ Dân số trong vùng quy hoạch đến năm 2035: Khoảng 239.000 người;

+ Dân số trong vùng quy hoạch đến năm 2045: Khoảng 283.000 người.

3.3. Giai đoạn lập quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2035.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2045.

4. Mục tiêu:

4.1. Mục tiêu chung:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương nằm trong tổng thể của Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và có mối liên hệ chặt chẽ với các vùng lân cận. Đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, phát triển hài hoà, có tính tương hỗ và đảm bảo tính bền vững, lâu dài.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư

nông thôn, các khu chức năng. Xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện, phân cấp hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển đô thị. Đề xuất phân bổ không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư nông thôn. Trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế xã hội, góp phần phát triển kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp, các thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của vùng đảm bảo phát triển hài hòa bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ, sản xuất cấp huyện gắn với thị trấn, trung tâm xã và các cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng; phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch gắn với vùng sản suất nông nghiệp.

- Xác định phương án định hướng không gian cho các nhu cầu xuất hiện trong tương lai; hình thành danh mục các dự án, thứ tự ưu tiên cũng như các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các kịch bản phát triển.

- Xây dựng phương hướng phát triển các ngành có lợi thế của huyện trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch.

- Định hướng xây dựng, tổ chức không gian các điểm dân cư nông thôn.

- Quy hoạch vùng huyện tập trung vào việc phân bố không gian có tính chiến lược các hoạt động kinh tế - xã hội ở cấp huyện, vùng liên huyện, đặc biệt là không gian cho hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu, những khu vực có vai trò động lực phát triển của huyện; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng huyện với quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển nhanh và bền vững.

- Xác định các phương án phát triển vùng huyện, đáp ứng cao nhất nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; tổ chức không gian vùng huyện để thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương phải phù hợp với đề án Xây dựng huyện nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô thị và đảm bảo tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Dương hướng tới mục tiêu tạo lập môi trường sống làm việc thuận lợi, an toàn cho người dân.

- Hoàn thành tiêu chí số 01 về quy hoạch, mục tiêu huyện Sơn Dương đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng huyện.

- Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển,….

- Định hướng phát triển không gian vùng huyện: Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển.

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn toàn huyện.

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, kế hoạch thực hiện các quy hoạch có liên quan.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và giải pháp thực hiện quy hoạch.

- Kết luận và kiến nghị liên quan đến quy hoạch vùng huyện.

5. Tính chất, chức năng của vùng huyện:

- Là huyện cửa ngõ phía Nam, một trong bốn cực tăng trưởng của tỉnh Tuyên Quang. Gắn kết chặt chẽ và hài hòa với các khu vực phụ cận khác trong tỉnh và các tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Phú Thọ,...

- Phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp theo hướng sản xuất quy mô lớn; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; ưu tiên thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp lĩnh vực chế biến chế tạo, chế biến sâu khoáng sản, dệt may, da giày, chế biến nông sản, công nghiệp phụ trợ; phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái, trải nghiệm chất lượng cao. Là vùng nông nghiệp, lâm nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị.

- Là huyện nông thôn mới của tỉnh, xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình đô thị hóa.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo:

- Chỉ tiêu huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 ban hành theo quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật các xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí ban hành tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 07:2023/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

7. Các nội dung nghiên cứu quy hoạch:

7.1. Phân tích, đánh giá khái quát đặc điểm tự nhiên và hiện trạng vùng huyện:

- Khái quát hiện trạng tự nhiên.

- Khái quát hiện trạng kinh tế - xã hội vùng lập quy hoạch: Hiện trạng phát triển kinh tế; hiện trạng dân số và lao động; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hạ tầng xã hội; hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.

- Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan có tác động đến vùng quy hoạch.

- Khát quát những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch vùng huyện.

7.2. Xác định quan điểm, mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của vùng:

- Quan điểm lập quy hoạch vùng huyện.

- Mục tiêu lập quy hoạch vùng huyện.

- Tính chất, chức năng lập quy hoạch vùng huyện.

7.3. Cơ sở, phương pháp xác định động lực phát triển vùng, dự báo sơ bộ và đề xuất các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo từng giai đoạn phát triển:

- Cơ sở, phương pháp xác định động lực phát triển vùng: Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội huyện; định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện; tiền đề, các định hướng chiến lược và kịch bản phát triển vùng huyện; định hướng phát triển không gian vùng huyện.

- Dự báo sơ bộ phát triển kinh tế, về dân số, đất đai, tỷ lệ đô thị hoá: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025-2035 và 2035-2045; dự báo sơ bộ về dân số, tỷ lệ đô thị hoá; dự báo nhu cầu sử dụng đất.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch vùng huyện.

7.4. Yêu cầu về nội dung của quy hoạch vùng huyện:

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn các yêu cầu chính nội dung của quy hoạch vùng huyện như sau:

- Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch vùng huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xác định động lực và tiềm năng phát triển của vùng; tác động của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với vùng lập quy hoạch.

- Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên,...

- Tổ chức phân vùng và yêu cầu quản lý, phát triển theo các phân vùng.

- Định hướng phát triển không gian:

+ Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng.

+ Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển.

+ Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng.

+ Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị.

+ Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

+ Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

+ Vị trí, quy mô và phương hướng tổ chức khu vực phát triển đô thị, dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác.

+ Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm: Hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; trung tâm cụm xã, trung tâm xã. Xác định các quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung xây dựng xã cần lập theo các giai đoạn phát triển.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng về san nền, chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông.

- Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn, thời điểm thực hiện.

- Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong vùng.

8. Hồ sơ sản phẩm:

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Tuân thủ các quy định về nội dung đồ án tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan và các văn bản thay thế có hiệu lực trong giai đoạn lập quy hoạch.

9. Nguồn vốn thực hiện: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Thời gian thực hiện: Thời gian tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện không quá 12 tháng tính từ ngày nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về cơ sở pháp lý, tính đầy đủ, chính xác về trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ và nội dung trình phê duyệt tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 06/02/2025; Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung kết quả thẩm định tại Thông báo số 182/TB-SXD ngày 20/12/2024.

2. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐTXD - H)

Nguyễn Mạnh Tuấn